

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/KDTM-PT

Ngày: 21 - 8 - 2024

V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đông Giang

Các Thẩm phán: Ông Ngô Thế Tương

Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Minh Phương – Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:**
Ông Phạm Thanh Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2024/TLPT-KDTM ngày 04/6/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2024/KDTM-ST ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 52/2024/QĐ-PT ngày 04/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2024/QĐ-PT ngày 16/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2024/QĐ-PT ngày 09/8/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Ngân hàng P**

Địa chỉ: Số B, phố C, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Quang T – Tổng Giám đốc Ngân hàng P.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Văn B – Giám đốc Ngân hàng P, Chi nhánh T3.

Người được ủy quyền lại: Bà Nguyễn Thị Y – Trưởng phòng kiểm tra Ngân hàng P, Chi nhánh T3.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Việt H – Luật sư Văn phòng L. Địa chỉ: P 1916, Tòa nhà F, Green Aptment, A P, N, Hà Nội.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần V1.

Địa chỉ: số nhà A, tổ dân phố số E, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Ngọc V – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Công ty cổ phần Đ

Địa chỉ: thôn C, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Mạnh T1 – Giám đốc (*theo Thông báo về việc thay đổi giám đốc và người đại diện theo pháp luật số 01/TB-CT ngày 08/6/2024 của Công ty cổ phần Đ*).

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Sỹ H1 – Cán bộ Phòng kinh doanh Công ty cổ phần Đ.

+ Công ty cổ phần V2

Địa chỉ: số nhà A, tổ dân phố số E, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Song T2 – Giám đốc.

+ Công ty cổ phần V3

Địa chỉ: số nhà A, tổ dân phố số E, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Minh C – Giám đốc.

Người kháng cáo:

- Bị đơn - Công ty cổ phần V1

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – Công ty cổ phần Đ.

(*Bà Y, ông H, ông H1 có mặt; ông V, ông T2, ông C vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*** Người đại diện của Nguyên đơn - Ngân hàng P trình bày:**

1. Công ty Cổ phần V1 (công ty V1) là chủ đầu tư 02 dự án: Dự án “Đầu tư đóng mới 02 tàu vận tải biển trọng tải 3.100 tấn cấp III hạn chế để kinh doanh vận tải” (dự án 1) và dự án “Đầu tư đóng mới 02 tàu trọng tải 5.300 tấn hoạt động

tuyên Quốc tế để kinh doanh vận tải” (dự án 2) vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước tại Ngân hàng P - Chi nhánh T3. 02 dự án trên đã được Ủy ban nhân dân tỉnh T cấp giấy chứng nhận đầu tư số 08121000032 ngày 23/8/2007 và số 08121000076 ngày 29/4/2008, được đầu tư theo quyết định số 02/2007/QĐ-ĐT ngày 10/8/2007 và số 07/QĐ-HĐQT ngày 25/3/2008 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần V1. 02 dự án được Ngân hàng P chi nhánh T3 chấp thuận cho vay vốn tín dụng đầu tư phát triển và được hai bên ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp như sau:

- Dự án 01: Đóng mới 02 tàu trọng tải 3.100 tấn theo hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước số 05/2007/HĐTD ngày 09/8/2007, Ngân hàng đồng ý cho Công ty V1 vay số tiền tối đa là: 49.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay: 8 năm (96 tháng) kể từ ngày rút món vay đầu tiên; thời hạn trả nợ: 07 năm (84 tháng); Lãi suất trong hạn: 8,4%/năm, Lãi suất quá hạn (tính trên nợ gốc quá hạn và lãi chậm trả) bằng 150% lãi suất trong hạn; Mức trả nợ 584 triệu đồng/tháng; kỳ cuối trả 528 triệu đồng. Sau đó hai bên tiếp tục ký kết các hợp đồng điều chỉnh vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước số 05B ngày 31/12/20028; hợp đồng số 05C ngày 30/12/2009; hợp đồng số 05D ngày 30/6/2011; hợp đồng số 05E ngày 29/6/2012; hợp đồng số 05F ngày 31/12/2014; hợp đồng số 05G ngày 30/12/2015; hợp đồng số 05H ngày 15/5/2019, hợp đồng số 05I ngày 26/02/2024, các hợp đồng sửa đổi bổ sung này đều điều chỉnh phân bổ mức trả tiền gốc và lãi cụ thể của từng kỳ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký và việc thỏa thuận giải quyết tranh chấp tại Tòa án nơi bên cho vay đặt trụ sở. Thực hiện hợp đồng tín dụng trên, Ngân hàng đã thực hiện giải ngân vốn vay cho Công ty V1 với tổng số tiền là 48.478.184.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản (ủy nhiệm chi). Mỗi lần rút vốn vay Công ty cổ phần V1 đều ký vào khế ước nhận nợ.

- Dự án 2: Đóng mới 02 tàu trọng tải 5.300 tấn theo 02 hợp đồng:

Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước số 09/2008/HĐTD ngày 27/3/2008, số tiền cho vay: 126.500.000.000 đồng; thời hạn cho vay: 8 năm (96 tháng), thời hạn trả nợ: 6,5 năm (78 tháng); Lãi suất trong hạn: 8,4%/năm, Lãi suất quá hạn (tính trên nợ gốc quá hạn và lãi chậm trả) bằng 150% lãi suất trong hạn; Thời điểm bắt đầu trả nợ gốc là sau 18 tháng từ khi nhận khoản vay đầu tiên, mức trả nợ 1.621.800.000 đồng/tháng; kỳ cuối trả 1.621.400.000 đồng; thời điểm trả lãi là khi bên vay nhận tiền vay. Sau đó hai bên tiếp tục ký kết các hợp đồng sửa đổi, bổ sung vay vốn tín dụng đầu tư: Số 09A ngày 11/5/2009 hỗ trợ lãi suất cho khoản vay từ 01/4/2009 đến 31/12/2011 giảm trừ số tiền lãi tương đương với 4%/năm tính trên dư nợ vay và thời hạn vay thực tế; Số 09B ngày 05/6/2009 sửa đổi lãi xuất trong hạn là 6,9%/năm; Số 09C ngày 25/02/2011 lùi trả thời điểm trả nợ là tháng 10/2011, điều chỉnh mức trả nợ mỗi kỳ 1.807.000.000

đồng và tháng cuối là 1.817.000.000 đồng; Số 09D ngày 26/12/2011; Số 09 E ngày 29/6/2012; Số 09F ngày 02/5/2013; Số 09G ngày 31/12/2014; Số 09H ngày 30/12/2015; Số 09I ngày 05/3/2024 đều sửa đổi bổ sung điều chỉnh phân bổ mức trả tiền gốc và lãi cụ thể của từng kỳ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký và việc thỏa thuận giải quyết tranh chấp tại Tòa án nơi bên cho vay đặt trụ sở và điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư lần thứ nhất ngày 04/2/2015 “Dự án đầu tư đóng mới 02 tàu trọng tải 5.300 tấn hoạt động tuyến Quốc tế để kinh doanh vận tải”.

Hợp đồng vay vốn thí điểm dài hạn để bù đắp phần vốn huy động khác số 06/2008/HĐTD ngày 27/3/2008, số tiền cho vay: 50.500.000.000 đồng; thời hạn cho vay: 8 năm (96 tháng), thời hạn trả nợ: 6,5 năm (78 tháng); Lãi suất trong hạn: 15,6%/năm, Lãi suất quá hạn (tính trên nợ gốc quá hạn và lãi chậm trả) bằng 150% lãi suất trong hạn; Thời điểm bắt đầu trả nợ gốc là sau 18 tháng từ khi nhận khoản vay đầu tiên, mức trả nợ 647.436.000 đồng/tháng; kỳ cuối trả 647.428.000 đồng; thời điểm trả lãi là khi bên vay nhận tiền vay. Sau đó hai bên tiếp tục ký kết các hợp đồng sửa đổi, bổ sung: Số 06A ngày 13/02/2012; Số 06B ngày 29/6/2012; Số 06C ngày 30/5/2013; Số 06D ngày 15/8/2013; Số 06E ngày 31/12/2014; Số 06F ngày 30/12/2015; Số 06G ngày 23/9/2021; Số 06H ngày 05/3/2024 đều sửa đổi bổ sung về phương thức trả nợ gốc, lãi, giải quyết tranh chấp tại Tòa án nơi bên cho vay đặt trụ sở; đổi tên gọi của hợp đồng “Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư áp dụng lãi xuất thỏa thuận”; điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư lần thứ nhất ngày 04/2/2015 “Dự án đầu tư đóng mới 02 tàu trọng tải 5.300 tấn hoạt động tuyến quốc tế để kinh doanh vận tải”.

Thực hiện 02 Hợp đồng tín dụng trên, Ngân hàng đã thực hiện giải ngân vốn vay cho Công ty V1 với tổng số tiền là 144.409.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản (ủy nhiệm chi). Mỗi lần rút vốn vay Công ty cổ phần V2 đều ký vào khế ước nhận nợ.

2. Tài sản bảo đảm cho khoản vay của Công ty cổ phần V1 tại Ngân hàng

Để đảm bảo cho các khoản vay trên Ngân hàng và Công ty V1 đã ký kết các hợp đồng thế chấp sau:

- Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 47/2008/HĐTCTS-NHPT ngày 25/4/2008, công chứng ngày 25/4/2008; Hợp đồng sửa đổi thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 47A/2009/HĐSD-HĐTCTS ngày 24/7/2009, công chứng ngày 28/7/2009; Phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số 47B/2013/PLHĐTCTS ngày 07/01/2013, công chứng ngày 07/01/2013; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi, bổ sung số 47C/2017/HĐTCTS- SĐBS ngày 24/3/2017, công chứng ngày 24/3/2017, đã ký giữa Công ty cổ phần V1 và Ngân hàng P - Chi nhánh T3. Theo đó, Công ty cổ phần V1 đồng ý thế chấp tại Ngân hàng T4 từ vốn

vay là 02 tàu vận tải biển trọng tải 5.300 tấn; tên tàu Royal 88 (xác định trị giá tàu 118.109.433.590 đồng) và tàu Royal 89 (xác định trị giá tàu 118.110.824.500 đồng). Cả hai tàu đều đã được Cơ quan đăng ký tàu biển và thuyền viên khu vực Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam số đăng ký VN-3501-VT và số đăng ký VN-3502-VT cùng ngày đăng ký 28/12/2012 và được đăng ký thế chấp theo quy định.

- Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 10/2010/HĐTCTS- NHPT ngày 18/5/2010 ký giữa Ngân hàng P – Chi nhánh T3 với Công ty cổ phần Đ, Công ty H2 một phần tài sản gồm: Nhà điều hành, nhà xưởng sản xuất số A, nhà vỏ, đường dây 35KV, trạm biến áp 630 KVA kết cấu trạm kiểu hở công suất 630KVA-35/0,4KV (bao gồm cả máy biến áp 630KV), đường dây điện 35KV được đấu nối tại cột số 3 đường dây 35KV lộ 373 E2.9 đến trạm biến áp của Công ty được xây dựng trên thửa đất số 687 + 688 + 689, tờ bản đồ số 09 tại thôn C, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương; Hệ thống máy móc thiết bị được lắp đặt tại nhà điều hành, nhà xưởng sản xuất, nhà vỏ đã thế chấp trên gồm: 01 hệ thống máy làm sạch bề mặt kim loại, 02 bộ máy cắt CNC, 02 bộ máy cắt tôn, 01 bộ máy cuộn tôn TURU TBH-03, 01 bộ máy lọc đĩa, 01 bộ máy phay vạn năng, 01 bộ máy tiện Howasangyo, 01 bộ máy tiện Yamazaky, 01 xe nâng hàng Komatsu, 01 xe nâng hàng Mitsubishi, 01 xe nâng có cầu, 01 xe thang nâng loại 12m, 01 xe thang nâng loại 13.5m, 01 xe thang nâng loại 6m, 01 xe thang nâng loại 4m. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp của Công ty cổ phần Đ. Tại Hợp đồng thế chấp trên đã xác định tổng giá trị tài sản thế chấp của Công ty cổ phần Đ là 51.160.534.000 đồng, phần giá trị tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay của Công ty V1 tại Ngân hàng là 16.665.000.000 đồng, tương đương với tỷ lệ tài sản thế chấp là 32,58%.

3. Các vi phạm của Công ty cổ phần V1

- *Vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc*: Đối với dự án 01, hợp đồng số 05/2007/HĐTĐ ngày 09/8/2007, công ty vi phạm trả nợ gốc không đầy đủ theo hợp đồng tín dụng đã ký (bao gồm các hợp đồng bổ sung) về các kỳ trả nợ, tuy nhiên đến ngày 05/5/2022 Công ty đã trả hết toàn bộ nợ gốc; Đối với dự án 02, hợp đồng số 09/2008/HĐTĐ ngày 27/3/2008 và 06/2008/HĐTĐ ngày 27/3/2008, công ty đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc các kỳ trả nợ: Tháng 10/2011 đến 5/2012; tháng 01/2013 đến 12/2014 và từ tháng 01/2015 đến nay.

- *Vi phạm nghĩa vụ trả nợ lãi*: Đối với dự án 01, hợp đồng số 05/2007/HĐTĐ ngày 09/8/2007, quy định tại Điều 7: Lãi vay trả hàng tháng, bắt đầu trả lãi từ khi bên vay nhận tiền. Tuy nhiên Công ty đã thực hiện không đúng như thỏa thuận vào các tháng: 1,2,4,5,6,7/2009; tháng 4,8/2010 và từ tháng

10/2010 công ty không trả lãi. Đối với dự án 02, hợp đồng số 09/2008/HĐTD ngày 27/3/2008 và 06/2008/HĐTD ngày 27/3/2008, quy định tại Điều 8: Lãi vay trả hàng tháng, bắt đầu trả lãi từ khi bên vay nhận tiền. Tuy nhiên Công ty đã thực hiện không đúng như thỏa thuận vào các tháng: 10/2010 đến nay (đối với Hợp đồng số 09) và tháng 06/2013 đến nay (đối với hợp đồng số 06) công ty không trả lãi.

Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu Công ty cổ phần V1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ, lần cuối cùng làm việc giữa các bên vào ngày 10/01/2023 nhưng Công ty V1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay Ngân hàng P khởi kiện yêu cầu:

- Buộc Công ty cổ phần V1 phải thanh toán cho Ngân hàng P số tiền tính đến hết ngày 06/3/2024 là 323.467.444.258 đồng, bao gồm: Nợ gốc 136.559.000.000 đồng; Nợ lãi phát sinh trên dư nợ gốc trong hạn là 117.423.868.043 đồng; Nợ lãi phát sinh trên dư nợ gốc quá hạn 69.484.576.215 đồng, trong đó:

Dự án 01: Tổng số nợ vay phải trả theo Hợp đồng tín dụng số 05/2007/HĐTD ngày 09/8/2007 là 23.824.110.653 đồng, bao gồm: Nợ gốc 0 đồng; Nợ lãi phát sinh trên dư nợ gốc trong hạn là 16.997.931.917 đồng; nợ lãi phát sinh trên dư nợ gốc quá hạn 6.826.178.736 đồng.

Dự án 02: Tổng số nợ vay phải trả theo Hợp đồng tín dụng số 09/2008/HĐTD ngày 27/3/2008 là 262.402.074.560 đồng, bao gồm: Nợ gốc 121.950.000.000 đồng; Nợ lãi phát sinh trên dư nợ gốc trong hạn 86.535.769.698 đồng; Nợ lãi phát sinh trên dư nợ gốc quá hạn 53.916.304.862 đồng. Tổng số nợ vay phải trả theo Hợp đồng tín dụng số 06/2008/HĐTD ngày 27/3/2008 là 37.241.259.045 đồng, bao gồm: Nợ gốc 14.609.000.000 đồng; Nợ lãi phát sinh trên dư nợ gốc trong hạn 13.890.166.428 đồng; Nợ lãi phát sinh trên dư nợ gốc quá hạn 8.742.092.617 đồng.

Việc tính lãi tiếp tục thực hiện theo thỏa thuận của các Bên tại các hợp đồng tín dụng đã ký.

- Trường hợp Công ty cổ phần V1 không trả được số nợ vay như đã nêu trên, Ngân hàng P có quyền đề nghị cơ quan thi hành án xử lý toàn bộ tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 47/2008/HĐTCTS-NHPT ngày 25/4/2008, Hợp đồng sửa đổi thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 47A/2009/HĐSD-HĐTCTS ngày 24/7/2009, Phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản số 47B/2013/PL-HĐTCTS ngày 07/01/2013, Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi, bổ sung số 47C/2017/HĐTCTS-SĐBS ngày 24/3/2017 giữa Ngân hàng P và

Công ty Cổ phần V1 và Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 10/2010/HĐTCTS-NHPT ngày 18/5/2010 giữa Ngân hàng P và Công ty Cổ phần Đ để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Ngày 04/3/2024, nguyên đơn Ngân hàng P có đơn xin rút yêu cầu trả lãi phạt phát sinh trên lãi chậm trả theo các hợp đồng tín dụng số 05/2007/HĐTD ngày 09/8/2007; Hợp đồng tín dụng số 09/2008/HĐTD ngày 27/3/2008; Hợp đồng tín dụng số 06/2008/HĐTD-TĐ ngày 27/3/2008.

*** Bị đơn – Công ty cổ phần V1 trình bày:**

Quá trình giao kết và thực hiện các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp giữa Công ty V1 và Ngân hàng P như đại diện Ngân hàng đã trình bày là đúng. Đến thời điểm hiện tại, Ngân hàng khởi kiện tại Tòa án yêu cầu Công ty V1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết là đúng, Công ty sẽ cân đối tài chính để trả nợ hết số tiền gốc còn số tiền lãi và phạt chậm trả mong Ngân hàng báo cáo cấp trên xin được miễn tiền lãi do Công ty L1 thua lỗ kéo dài giá xăng dầu tăng, cước vận tải quốc tế giảm, các chi phí khác phát sinh nhiều như chi phí cảng biển, dôi nhật cảng biển chờ hàng, lương thuyền viên. Trường hợp Công ty cổ phần V1 không trả được nợ, Ngân hàng P được quyền áp dụng biện pháp xử lý tài sản thế chấp của dự án tại các Hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa các bên để thu hồi nợ, Công ty V1 nhất trí, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Hiện nay, tài sản thế chấp là 02 con tàu vận tải biển trọng tải 5.300 tấn; tên tàu Royal 88 và tàu Royal 89 do Công ty V1 quản lý, tàu đang hoạt động bình thường tuyến quốc tế.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Công ty cổ phần Đ trình bày:**

Năm 2008 Công ty đã ký Hợp đồng đóng tàu với Công ty cổ phần V1 để đóng mới 02 tàu vận tải hoạt động tuyến biển quốc tế có trọng tải 5.300 tấn. Để đảm bảo các hợp đồng đóng mới tàu biển với Công ty V1, Công ty Đ đã ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 10/2010/HĐTCTS-NHPT ngày 18/5/2010, nội dung dùng các tài sản hợp pháp của mình để thế chấp với Ngân hàng P để đảm bảo cho khoản vay của Công ty V1 tại Ngân hàng. Ngoài Công ty V1, các tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 10/2010/HĐTCTS-NHPT ngày 18/5/2010 ký giữa Ngân hàng P - Chi nhánh T3 với Công ty cổ phần Đ còn được thế chấp để thực hiện một phần nghĩa vụ trả nợ của Công ty cổ phần V2, Công ty cổ phần V3 phát sinh theo các hợp đồng tín dụng với Ngân hàng P. Các tài sản này chưa được chỉ định rõ từng tài sản thế chấp đảm bảo nghĩa vụ cụ thể cho từng công ty, nên không có cơ sở để các bên thực hiện. Toàn bộ các tài sản được đưa vào thế chấp đều là các hạ tầng kỹ thuật và máy móc thiết bị quan trọng và thiết yếu không thể thiếu trong dây chuyền sản xuất chính

của Công ty Đ. Việc công ty ký kết hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba với Ngân hàng chỉ với mục đích có thêm hợp đồng đóng tàu, tạo công việc làm ổn định cho người lao động, đồng thời đảm bảo cho việc thực hiện các hợp đồng đóng mới tàu biển đối với các công ty chủ tàu nêu trên. Công ty Đ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và yêu cầu công ty V1 có trách nhiệm huy động mọi nguồn lực để trả nợ ngân hàng, đồng thời nhanh chóng thực hiện giải chấp các tài sản của công ty Đ đã thế chấp để công ty Đ ổn định được dây chuyền sản xuất, tạo công ăn việc làm cho người lao động. Công ty Đ không đồng ý với yêu cầu của Ngân hàng đề nghị xử lý các tài sản thế chấp đã được Công ty H2 tại Ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty V1 tại Ngân hàng.

*** Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình thể hiện:** Hiện trạng tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 10/2010/HĐTCTS-NHPT ngày 18/5/2010: Nhà xưởng số 01: Diện tích 4,824 m² kết cấu khung thép, lợp mái tôn, nền bê tông, xung quang ốp tôn; Nhà vò: Diện tích 5,833 m² kết cấu khung thép, lợp mái tôn, nền bê tông, xung quang ốp tôn; Nhà điều hành 4 tầng, diện tích 1,534 m² kết cấu khung cột, mái bê tông cốt thép, tường xây gạch; Trạm biến áp 360 KVA kết cấu trạm kiểu hở công suất 630KVA; Đường dây điện 35KV được đấu nối tại cột số 3 đường dây 35 KV lô 373 E2.9 đến trạm biến áp của công ty. Các tài sản được xây dựng lắp đặt tại thửa đất 687+688+689 tờ bản đồ số 09, loại đất nhà nước cho thuê xây dựng nhà máy đóng mới và sửa chữa tàu thủy, địa chỉ tại thôn C, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Các tài sản hiện không có tranh chấp; 01 hệ thống máy làm sạch bề mặt kim loại quy cách thép xử lý rộng 1.000 -2.500 mm, dây 6-30 mm, dài 1.200-3.000 mm; 02 bộ máy cắt nhiệt tự động (NC loại Master 70, Model Pc-MS70; 01 bộ máy cắt tôn khổ cắt 3.000 mm loại MHT 3150/25 sản xuất tại Tiệp Khắc; 01 bộ máy cuộn tôn hãng T5, Model TBH-03, lóc thủy lực KH-BSK; 01 bộ máy lóc đĩa MHT-20; 01 bộ máy phay vạt năng Model 6T82, sản xuất tại Nga; 01 bộ máy tiện khổ 800 mm, đường kính tiện 250 mm hãng sản xuất H3; 01 bộ máy trên khổ 400mm, đường kính tiện 400mm, hàng sản xuất Y1; 01 xe nâng hàng Mitsubishi FD30-F18A, số khung F4B-33705, số máy 076087; 01 xe nâng hàng Komatsu FD40C-02, số khung 82322; 01 xe nâng có cầu; 01 xe thang nâng loại 12m; 01 xe thang nâng loại 13,5m; 01 xe thang nâng loại 6 m; 01 xe thang nâng loại 4m và các tài sản thế chấp được lắp đặt tại trụ sở và nhà xưởng của Công ty Đ và đang hoạt động bình thường không có tranh chấp. Tại thời điểm xem xét, thẩm định tại chỗ, máy cắt tôn 4000 mm hãng Tomina Model GS-4-400 sản xuất tại Nhật Bản đang hỏng và được Công ty chuyển sang Hải Phòng sửa chữa không có tại trụ sở Công ty.

*** Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2024/KDTM-ST ngày 06/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình** đã áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 121, Điều 122, Điều 123, Điều 124, Điều 342, Điều 343, Điều 351, Điều 352, Điều 353, Điều 355, Điều 416, Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự; Điều 21, Điều 27 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Điều 4, Điều 10 và Điều 12 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định số 151/2006/NĐ-CP ngày 20/12/2006 của Chính phủ về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1. Buộc Công ty cổ phần V1 phải thanh toán cho Ngân hàng P số tiền tính đến hết ngày 06/3/2024 là 323.467.444.258 đồng bao gồm: Nợ gốc 136.559.000.000 đồng; Nợ lãi phát sinh trên dư nợ gốc trong hạn là 117.423.868.043 đồng; Nợ lãi phát sinh trên dư nợ gốc quá hạn 69.484.576.215 đồng, trong đó:

Dự án 01: Tổng số nợ vay phải trả theo Hợp đồng tín dụng số 05/2007/HĐTD ngày 09/8/2007 là 23.824.110.653 đồng, bao gồm: Nợ gốc 0 đồng; Nợ lãi phát sinh trên dư nợ gốc trong hạn là 16.997.931.917 đồng; nợ lãi phát sinh trên dư nợ gốc quá hạn 6.826.178.736 đồng.

Dự án 02: Tổng số nợ vay phải trả theo Hợp đồng tín dụng số 09/2008/HĐTD ngày 27/3/2008 là 262.402.074.560 đồng, bao gồm: Nợ gốc 121.950.000.000 đồng; Nợ lãi phát sinh trên dư nợ gốc trong hạn 86.535.769.698 đồng; Nợ lãi phát sinh trên dư nợ gốc quá hạn 53.916.304.862 đồng. Tổng số nợ vay phải trả theo Hợp đồng tín dụng số 06/2008/HĐTD ngày 27/3/2008 là 37.241.259.045 đồng, bao gồm: Nợ gốc 14.609.000.000 đồng; Nợ lãi phát sinh trên dư nợ gốc trong hạn 13.890.166.428 đồng; Nợ lãi phát sinh trên dư nợ gốc quá hạn 8.742.092.617 đồng.

1.2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật mà Công ty cổ phần V1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng P có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mại toàn bộ tài sản đã được thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Các tài sản thế chấp gồm:

1.2.1. Các tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 47/2008/HĐTCTS-NHPT ngày 25/4/2008, Hợp đồng sửa đổi thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 47A/2009/HĐSD-HĐTCTS ngày 24/7/2009, Phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản số 47B/2013/PL-HĐTCTS ngày 07/01/2013, Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi, bổ sung số 47C/2017/HĐTCTS-SĐBS ngày 24/3/2017 giữa Ngân hàng P và Công ty Cổ phần V1: 02 tàu vận tải biển trọng tải 5.300 tấn, tên tàu Royal 88 và tàu Royal 89.

1.2.2. Các tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 10/2010/HĐTCTS-NHPT ngày 18/5/2010 giữa Ngân hàng P và Công ty cổ phần Đ gồm: Nhà điều hành, nhà xưởng sản xuất số A, nhà vò, đường dây 35KV, trạm biến áp 630 KVA kết cấu trạm kiểu hở công suất 630KVA-35/0,4KV (bao gồm cả máy biến áp 630KV), đường dây điện 35KV được đấu nối tại cột số 3 đường dây 35KV lộ 373 E2.9 đến trạm biến áp của Công ty được xây dựng trên thửa đất số 687 + 688 + 689, tờ bản đồ số 09 tại thôn C, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương; Hệ thống máy móc thiết bị được lắp đặt tại nhà điều hành, nhà xưởng sản xuất, nhà vò đã thế chấp trên gồm: 01 hệ thống máy làm sạch bề mặt kim loại, 02 bộ máy cắt CNC, 02 bộ máy cắt tôn, 01 bộ máy cuộn tôn TURU TBH-03, 01 bộ máy lóc đĩa, 01 bộ máy phay vạn năng, 01 bộ máy tiện Howasangyo, 01 bộ máy tiện Yamazaky, 01 xe nâng hàng Komatsu, 01 xe nâng hàng Mitsubishi, 01 xe nâng có cầu, 01 xe thang nâng loại 12m, 01 xe thang nâng loại 13.5m, 01 xe thang nâng loại 6m, 01 xe thang nâng loại 4m. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp của Công ty cổ phần Đ, Ngân hàng P được hưởng 32,58% giá trị để thu nợ cho khoản vay của Công ty cổ phần V1.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu Công ty cổ phần V1 trả lãi phát sinh trên lãi chậm trả đối với các khoản vay theo các hợp đồng tín dụng số 05/2007/HĐTD ngày 09/8/2007; hợp đồng tín dụng số 09/2008/HĐTD ngày 27/3/2008; hợp đồng tín dụng số 06/2008/HĐTD ngày 27/3/2008 ký giữa Ngân hàng P và Công ty cổ phần V1.

3. Về án phí:

3.1. Công ty cổ phần V1 phải nộp 431.467.444 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

3.2 Trả lại Ngân hàng P số tiền 250.000.0000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001438 ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền thi hành án, quyền kháng cáo cho các đương sự.

* Ngày 14/3/2024, bị đơn - Công ty cổ phần V1 có đơn kháng cáo, ngày 17/4/2024 có đơn kháng cáo bổ sung đề nghị Toà án cấp phúc thẩm:

- Không chấp nhận việc Ngân hàng P có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự cưỡng chế phát mại tài sản thế chấp là hai tàu vận tải biển Royal 88 và tàu Royal 89.

- Không chấp nhận việc Ngân hàng P có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ 3 số 10/2010/HĐTCT-NHPT ngày 18/5/2010 ký giữa Ngân hàng P với Công ty cổ phần Đ.

* Ngày 13/3/2024, 15/3/2024, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Công ty cổ phần Đ có đơn kháng cáo, ngày 17/4/2024 có đơn kháng cáo bổ sung đề nghị Toà án cấp phúc thẩm không chấp nhận việc Ngân hàng P có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ 3 số 10/2010/HĐTCT-NHPT ngày 18/5/2010 ký giữa Ngân hàng P với Công ty cổ phần Đ.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Đại diện nguyên đơn trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không nhất trí với yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần V1 và Công ty cổ phần Đ, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Công ty cổ phần Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Công ty Đ đã ký kết hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 10/2010/HĐTCTS-NHPT ngày 18/5/2010 với Ngân hàng P, dùng tài sản hợp pháp của mình để đảm bảo cho khoản vay của công ty cổ phần V1 tại Ngân hàng. Ngoài công ty V1, các tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 10/2010/HĐTCTS-NHPT còn được thế chấp để thực hiện một phần nghĩa vụ trả nợ của Công ty cổ phần V2, Công ty cổ phần V3 phát sinh theo các hợp đồng tín dụng với Ngân hàng P. Toàn bộ số tài sản thế chấp thuộc hợp đồng thế chấp của bên thứ ba này chưa được chỉ định rõ từng tài sản thế chấp đảm bảo nghĩa vụ cho đối tượng cụ thể nào, không có cơ sở để các bên thực hiện. Mặt khác, các hợp đồng đóng mới tàu biển đã được công ty Đ bàn giao cho chủ tàu đưa vào khai thác để thu hồi vốn trả nợ cho Ngân hàng. Việc Công ty cổ phần V1 không thực hiện đúng các cam kết đã ký với Ngân hàng là trách nhiệm của Công ty V1, việc xử lý tài sản thế chấp của bên thứ ba là không thoả đáng. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận việc Ngân hàng P có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 10/2010/HĐTCT-NHPT ngày 18/5/2010

ký giữa Ngân hàng P với Công ty cổ phần Đ.

- Bị đơn có kháng cáo – Công ty cổ phần V1 vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về tố tụng:* Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Ngân hàng P, Công ty cổ phần Đ, Công ty cổ phần V3 đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; Công ty cổ phần V1, Công ty cổ phần V2 chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- *Về nội dung:*

Đối với kháng cáo của Công ty cổ phần V1: Công ty cổ phần V1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần 2 không có lý do chính đáng là đã từ bỏ quyền kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của công ty V1.

Đối với kháng cáo của Công ty cổ phần Đ: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần Đ, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 01/2024/KDTM-ST ngày 06/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Kháng cáo của bị đơn – Công ty cổ phần V1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – Công ty cổ phần Đ gửi đến Tòa án trong thời hạn luật định, người kháng cáo đã thực hiện việc nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, vì vậy kháng cáo là hợp lệ, được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về việc vắng mặt các đương sự: Tại phiên tòa, Công ty cổ phần V3 có đơn xin xét xử vắng mặt; Công ty cổ phần V1, Công ty cổ phần V2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng, căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Bị đơn – Công ty cổ phần V1 có đơn kháng cáo, đã được Toà án cấp phúc thẩm tổng đạt hợp lệ song tại phiên toà ngày 09/8/2024 người đại diện theo pháp luật của công ty là ông Hoàng Ngọc V vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên toà do bị đơn có kháng cáo vắng mặt tại phiên toà lần thứ nhất không có lý do; ngày 12/8/2024 Toà án nhân dân tỉnh Thái Bình nhận được văn bản của Công ty cổ phần V1 đề ngày 09/8/2024 gửi qua dịch vụ bưu chính trình bày do ông Hoàng Ngọc V đang điều trị bệnh tăng huyết áp tại Bệnh viện nên xin được vắng mặt tại phiên toà ngày 09/8/2024 tuy nhiên không có tài liệu, chứng cứ có xác nhận của Bệnh viện kèm theo. Tại phiên toà hôm nay, người đại diện theo pháp luật của công ty là ông Hoàng Ngọc V vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Công ty cổ phần V1 được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt thì coi như từ bỏ việc kháng cáo nên Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của Công ty cổ phần V1.

[2.2]. Xét kháng cáo của Công ty cổ phần Đ đối với Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba:

- Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 10/2010/HĐTCTS-NHPT ngày 18/5/2010 ký giữa Ngân hàng P – Chi nhánh T3 với Công ty cổ phần Đ, theo đó Công ty H2 một phần tài sản nhà xưởng và hệ thống máy móc chính của Công ty: Tại thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp, tổng giá trị các tài sản thế chấp là 51.160.534.000 đồng. Các tài sản này Công ty cổ phần Đ ký với Ngân hàng thực hiện một phần nghĩa vụ trả nợ của 03 công ty gồm Công ty cổ phần V2, Công ty cổ phần V3, Công ty cổ phần V1. Theo đó, nội dung của Hợp đồng đã xác định rõ phần giá trị tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay của Công ty cổ phần V1 là 16.665.000.000 đồng, tương đương với tỷ lệ tài sản thế chấp là 32,58%; phần giá trị tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay của Công ty cổ phần V3 là 21.945.000.000 đồng, tương đương với tỷ lệ tài sản thế chấp là 42,89%; phần giá trị tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay của Công ty cổ phần V2 là 12.550.534.000 đồng, tương đương với tỷ lệ tài sản thế chấp là 24,53%. Do đó, việc Công ty cổ phần Đ cho rằng toàn bộ số tài sản thế chấp của công ty thuộc hợp đồng thế chấp của bên thứ ba này chưa được chỉ định rõ từng tài sản thế chấp đảm bảo nghĩa vụ cho đối tượng cụ thể nào, không có cơ sở để các bên thực hiện là không có căn cứ.

- Tại các giai đoạn tố tụng, Công ty cổ phần Đ đều trình bày việc ký kết hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ 3 số 10/2020/HĐTCTS-NHPT ngày 18/5/2010 giữa Ngân hàng P với Công ty Đ về bản chất để đảm bảo hoàn thành hợp đồng

đóng tàu Royal 88 và Royal 89, khi hai tàu đưa vào hoạt động thì quyền và nghĩa vụ của Công ty Đ chấm dứt. Công ty Đ cho rằng toàn bộ các tài sản đưa vào thế chấp đều là hạ tầng kỹ thuật và máy móc thiết bị thiết yếu trong dây chuyền sản xuất chính của công ty Đ với mục đích sẽ có thêm hợp đồng đóng tàu, tạo công việc ổn định cho người lao động. Công ty V1 không thực hiện đúng các cam kết đã ký trong các hợp đồng tín dụng với Ngân hàng P là trách nhiệm của công ty V1, không liên quan đến trách nhiệm của công ty Đ.

Xét thấy hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba giữa Ngân hàng P với Công ty cổ phần Đ đều do người có thẩm quyền của các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật tại các Điều 342, 343, 348, 351, 355 Bộ luật Dân sự năm 2005, vì vậy quyền lợi và nghĩa vụ hợp pháp của các bên được pháp luật bảo vệ. Thời hạn thế chấp được quy định rõ tại Điều 3 của hợp đồng: *“Thời hạn thế chấp được tính từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực cho đến khi các nghĩa vụ trả nợ được bảo đảm...”*. Do đó, ý kiến của Công ty cổ phần Đ cho rằng khi hai tàu Royal 88 và Royal 89 đưa vào hoạt động thì quyền và nghĩa vụ của Công ty Đ trong Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba chấm dứt là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Khi thực hiện các hợp đồng tín dụng, Công ty cổ phần V1 không thực hiện việc trả nợ như cam kết trong hợp đồng và Công ty cổ phần Đ (bên thế chấp) cũng không phối hợp với Ngân hàng để xử lý tài sản thế chấp để thanh toán nợ cho Ngân hàng là vi phạm hợp đồng tín dụng, vi phạm hợp đồng thế chấp, vi phạm Điều 355 Bộ luật Dân sự 2005, nay là các điều 299, 320, 323 Bộ luật dân sự 2015. Do đó, bản án sơ thẩm quyết định trường hợp Công ty cổ phần V1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng P có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng chấp tài sản của bên thứ ba số 10/2010/HĐTCTS-NHPT ngày 18/5/2010 để thu hồi nợ cho Ngân hàng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3] Tại cấp phúc thẩm, người kháng cáo không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào mới làm căn cứ cho kháng cáo của mình. Vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần Đ, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là phù hợp.

[2.4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần Đ không được chấp nhận nên Công ty phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Công ty cổ phần V1 kháng cáo nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của công ty V1. Số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm công ty V1 đã nộp được sung vào Ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 296; khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 121, Điều 122, Điều 123, Điều 124, Điều 342, Điều 343, Điều 351, Điều 352, Điều 353, Điều 355, Điều 416, Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự; Điều 21, Điều 27 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Điều 4, Điều 10 và Điều 12 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định số 151/2006/NĐ-CP ngày 20/12/2006 của Chính phủ về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước

[1]. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần V1 đối với bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2024/KDTM-ST ngày 06/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

[2]. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần Đ. Giữ nguyên các quyết định của bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2024/KDTM-ST ngày 06/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

[3] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty cổ phần Đ phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Chuyển số tiền Công ty cổ phần Đ đã nộp tạm ứng tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001226 ngày 17/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

Sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 2.000.000 đồng Công ty cổ phần V1 đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001225 ngày 17/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (21/8/2024).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND TP Thái Bình;
- Chi cục THADS Tp Thái Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Đông Giang

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Các Thẩm phán Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Đông G